

Bản án số: 72/2019/HS-ST

Ngày 19/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Tuấn Linh

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Quốc Thê

2. Ông Phạm Văn Vượng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2019/TLST-HS, ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh B, sinh ngày 25/9/1980 tại huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Tổ x, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Thanh P, sinh năm 1952 và bà: Đào Thị T (đã chết); Vợ: Trần Thị Th, sinh năm 1982; Con: có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Hứa Minh Q, sinh ngày 01/7/1998 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Xóm x, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hứa Văn G, sinh năm 1974 và bà: Hà Thị T, sinh năm 1980; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Nguyễn Trung K1, sinh ngày 16/12/1989 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 và

bà: Phạm Thị Kh, sinh năm 1967; Vợ: Lương Thị L, sinh năm 1991; con: có 01 con, sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Lương Văn L, tên gọi khác: B; sinh ngày 27/7/1994 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Xóm x, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lương Văn Đ, sinh năm 1972 và bà: Triệu Thị H, sinh năm 1974; Vợ: Trương Thị H, sinh năm 1994; Con: có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 57/2019/HSST ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lương Văn L 07 tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Trần Trí K, sinh ngày 01/11/1987 tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Tổ x, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Đức Th, sinh năm 1959 và bà: Lục Thị P, sinh năm 1959; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Vũ Văn Q, sinh ngày 02/9/1993 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trú tại: Xóm x, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Đức T, sinh năm 1963 và bà: Lê Thị V, sinh năm 1963; Vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm 1995; Con: có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** anh Dương Văn H, sinh năm 1999; Trú tại thôn H, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2019, Dương Văn H sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang làm thuê tại nhà hàng M do Trần Thanh B, sinh năm 1980 trú tại tổ x, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên làm chủ. Ngày 04/5/2019, H xin nghỉ việc tại đây do cảm thấy công việc không phù hợp. Sau khi nghỉ việc, không hài lòng với số tiền công vợ chồng B trả nên H đã đăng bài lên mạng xã hội facebook với nội dung vợ chồng B quỵt tiền nhân

viên, làm ăn thất đức, sống không ra gì và kèm theo hình ảnh vợ chồng B. Biết việc làm của H, B gọi điện đề yêu cầu H gỡ bài đăng nhưng H không nghe điện thoại.

Khoảng 18 giờ ngày 05/5/2019, B rủ Hoàng Văn Đ, sinh năm 1998, trú tại xóm S, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (là nhân viên của quán) và Trần Trí K, sinh năm 1987 (trú cùng tổ với B) đi đến xã Đ, huyện Sơn Dương để tìm gặp H nói chuyện. Đ và K đồng ý, K gọi Vũ Văn Q, sinh năm 1993, trú tại xóm x, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (là lái xe của hãng taxi Bình An) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS 20A-266.15 đến đón để đi sang Sơn Dương, Tuyên Quang. Trên đường đi, do không biết nhà H nên B đi đến nhà Hứa Minh Q, sinh năm 1998, trú tại xóm x, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (là nhân viên cũ của quán, chơi với H và biết nhà H) bảo Q đi cùng chỉ đường. Sau khi đón Quang thì Trần Trí K gọi điện thoại cho Nguyễn Trung K1, sinh năm 1989, trú tại xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (bạn K) đi cùng và nhờ K1 gọi thêm một chiếc taxi, K1 gọi taxi của hãng Taxi Đại Từ do Hoàng Văn B, sinh năm 1984, trú tại xóm Đ, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên điều khiển xe Kia Morning màu sơn trắng bạc, BKS 20A-211.75. Nguyễn Trung K1 gọi điện thoại cho Lương Văn L (B), sinh năm 1994, trú tại xóm x, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng đi. B, Đ, Hứa Minh Q ngồi xe ô tô do Vũ Văn Q điều khiển. Trần Trí K, Nguyễn Trung K1 và L ngồi trên xe ô tô do Hoàng Văn B điều khiển. Trên đường đi, Hứa Minh Q gọi điện thoại cho H và hẹn H ra ngã ba S trả tiền taxi cho Q. H đồng ý và đi ra khu vực ngã ba Sơn Nam đợi Hứa Minh Q.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, nhóm của B đến ngã ba Sơn Nam. B, Đ chuyển sang xe do B1 điều khiển, còn Trần Trí K và Nguyễn Trung K1 chuyển sang xe do Vũ Văn Q điều khiển. Xe của B1 đỗ tại bãi đất trống theo hướng xã S đi xã Đ khoảng 50 mét, xe của Q đỗ tại ngã ba S. Lúc này H điều khiển xe mô tô BKS 29M1-9139 đi đến cách đầu xe của Vũ Văn Q khoảng 07 mét và đi bộ đến gần xe ô tô, thấy anh B và nhiều người nên H đã bỏ chạy về hướng xã Đ. Thấy H bỏ chạy, Trần Trí K, Nguyễn Trung K1, Vũ Văn Q và Hứa Minh Q xuống xe đuổi theo H, H chạy được 30 mét thì tự ngã và bị giữ lại, Trần Trí K dùng tay tát 2-3 nhát vào mặt H. Thấy H chống cự, Lương Văn L chạy từ bãi đất trống (vị trí xe của B1 đang đỗ) đến giữ tay trái và dùng tay tát 02 nhát vào mặt H lúc này B đi đến và nói: “Cho nó lên xe đưa về Thái Nguyên nói chuyện” đồng thời B, Trần Trí K, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Vũ Văn Q, Lương Văn L cùng nhau cầm chân, tay của H cùng nhau nhấc, khiêng H lên và đẩy vào ghế sau xe taxi Kia Morning của hãng Taxi Đại Từ do Bài điều khiển. Nguyễn Trung K1 ngồi bên trái, Trần Trí K ngồi bên phải H giữ cho H không bỏ chạy. B, Đ, Hứa Minh Q và L ngồi trên xe ô tô do Vũ Văn Q điều khiển. Quá trình bị đẩy, kéo lên xe, H có kháng cự và bị rơi ra 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng và khoảng 500.000 đồng xuống đất, H lấy ra từ túi quần 01 con dao loại dao bấm thì bị nhóm của B tước dao. Nguyễn Trung K1

nhặt được tiền và điện thoại của H thì trả tiền cho H, còn điện thoại đưa lại cho B. Khi đi đến huyện Đại Từ, L và Hứa Minh Q xuống xe đi về nhà còn nhóm của B đưa H đến một quán bia thuộc phường T, thành phố Thái Nguyên. Tại đây, Vũ Văn Q dùng tay tát 02 nhát vào mặt H, B yêu cầu H quỳ xuống đất xin lỗi, gỡ bài đăng và dùng điện thoại di động quay lại.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/5/2019, B cùng Vũ Văn Q đưa H đến Công an thành phố Thái Nguyên để trình báo về việc H đăng bài viết xúc phạm B.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 129/2019/TgT ngày 11/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Dương Văn H là 01%. (Một phần trăm). Về dân sự: Trần Thanh B và các bị cáo đã bồi thường cho Dương Văn H số tiền 20.000.000 đồng. H không có yêu cầu đề nghị gì về phần thương tích.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKS, ngày 23 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Lương Văn L (tức B), Trần Trí K và Vũ Văn Q về tội Bắt người trái pháp luật theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Lương Văn L (tức B), Trần Trí K và Vũ Văn Q phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Thanh B từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng.

2. Xử phạt bị cáo Hứa Minh Q từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

4. Xử phạt bị cáo Trần Trí K từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

5. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

6. Xử phạt bị cáo Lương Văn L từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với luận tội và không có ý kiến tham gia tranh luận gì đối với luận tội của Kiểm sát viên. Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật hình sự và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Ngoài lời khai nhận của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người bị hại, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 05/5/2019, tại khu vực ngã ba S thuộc thôn Q, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Trần Thanh B, Trần Trí K cùng trú tại Tổ x, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Vũ Văn Q, trú tại xóm x, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Hứa Minh Q, trú tại xóm 2, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Trung K1, trú tại xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Lương Văn L (B), trú tại xóm x, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có hành vi bắt người trái pháp luật đối với Dương Văn H, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Hành vi của các bị cáo Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Lương Văn L (tức B), Trần Trí K và Vũ Văn Q đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ của công dân được pháp luật bảo vệ. Làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, đồng thời còn ảnh hưởng tiêu cực không tốt đối với người bị bắt trái pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo được thể hiện là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức và phân công, bàn bạc với nhau từ trước, không có người khởi xướng nhưng đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Thanh B là người giữ vai trò cao nhất trong vụ án, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo còn lại xuất phát từ việc bị cáo rủ

bị cáo Trần Trí K, Hứa Minh Q tham gia việc bắt bị hại H, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Lương Văn L, Trần Trí K và Vũ Văn Q là đồng phạm giúp sức tích cực. Trong đó, bị cáo Trần Trí K, Lương Văn L, Vũ Văn Q trực tiếp dùng tay tát vào mặt H. Cả 06 bị cáo đều thực hiện hành động dùng tay cùng nhau nhấc, khiêng và đẩy H vào xe taxi. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Xét nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Lương Văn L có nhân thân xấu, Bản án số 57/2019/HSST ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lương Văn L 07 tháng tù về tội Đánh bạc. Vì vậy cần xử bị cáo chịu hình phạt tù giam mới cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Trần Trí K và Vũ Văn Q đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát một phần do lỗi của người bị hại. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo Trần Thanh B, Trần Trí K, Vũ Văn Q được hưởng án treo; các bị cáo Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ. Do nghề nghiệp chính của các bị cáo là làm ruộng, lao động tự do nhưng thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Trần Trí K và Vũ Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo đều tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng do có hành vi gây thương tích đối với bị hại Dương Văn H. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ một phần lỗi của người bị hại. Người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo Trần Thanh B có ông nội Trần Văn C được tặng huân chương kháng chiến hạng ba và bố là Trần Thanh P, được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; bị cáo Vũ Văn Q có ông nội Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có bố Vũ Đức T là thương binh loại A 41% đây là những tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với từng bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[5] Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra có tạm giữ: tạm giữ 01 con dao bấm bằng kim loại, lưỡi dao dạng một lưỡi sắc có đầu gấp gọn vào trong chuôi, chuôi dao bằng kim loại được chạm khắc, dao cũ đã qua sử dụng; tạm giữ 02 chiếc dép nhựa màu xanh đã qua sử dụng. HĐXX xác định các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối với Hoàng Văn Đ không có hành động khống chế, xâm hại đến Dương Văn H; Hoàng Văn B là người lái xe taxi chở các bị cáo nhưng B không biết các bị cáo đến SN để bắt H, mục đích của B là chở để lấy cước xe nên HĐXX không xem xét, xử lý đối với Đ và B.

Đối với Dương Văn H có hành vi đăng tải bài viết và hình ảnh lên facebook nói xấu, xúc phạm gia đình Trần Thanh B, Công an huyện Sơn Dương đã xử lý hành chính đối với H, nên HĐXX không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh B, Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1, Lương Văn L (tức B), Trần Trí K và Vũ Văn Q phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Lương Văn L (tức B) 06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh B 09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2019).

3. Xử phạt bị cáo **Trần Trí K 06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2019).

4. Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Q 06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2019).

Giao bị cáo Trần Thanh B, Trần Trí K cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

5. Xử phạt bị cáo **Hứa Minh Q 06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú X, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

6. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung K1 06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Hứa Minh Q, Nguyễn Trung K1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao bấm bằng kim loại, lưỡi dao dạng một lưỡi sắc có đầu nhọn được gấp gọn vào trong chuôi, chuôi dao bằng kim loại được chạm khắc, dao cũ đã qua sử dụng và 02 (hai) chiếc dép nhựa, màu xanh, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương ngày 30/7/2019).

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

